

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN _____

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Phân biệt các khái niệm *nghị luận*, *chính luận* và *phong cách ngôn ngữ chính luận*.

– Luyện kĩ năng phân tích và viết bài văn chính luận.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

(1) Phân biệt các khái niệm “*nghị luận*” và “*chính luận*”

Để giúp cho HS nắm được các khái niệm này, GV tham khảo những ý kiến sau đây :

a) Theo tu từ học truyền thống, văn xuôi được phân chia thành ba thể : *miêu tả* (tiếng Pháp : *descriptif, description*), *tự sự* (tiếng Pháp : *narratif, narration*) và *nghị luận* (tiếng Pháp : *dissertation*).

Ba thể văn trên được đưa vào giảng dạy trong nhà trường để HS rèn luyện các kĩ năng miêu tả, tự sự và nghị luận. Mỗi thể lại được chia nhỏ hơn, ví dụ, văn miêu tả được chia thành tả cảnh, tả vật và tả người ; văn tự sự có tự sự quá khứ (trần thuật), tự sự hiện tại (tường thuật) ; văn nghị luận chia ra các kiểu nghị luận xã hội, nghị luận văn chương, nghị luận triết học, lịch sử, khoa học,...

Hiện nay, cách phân chia như trên còn được dùng để giảng dạy trong nhà trường phổ thông từ thấp đến cao và đã đạt hiệu quả thiết thực, thể hiện qua những bài phân tích tác phẩm và tập làm văn.

b) Trong chương trình Ngữ văn, phong cách học được đưa vào giảng dạy ở THPT. Phong cách học kế thừa những tri thức của tu từ học truyền thống, phát triển nội dung nghiên cứu, xác định phương pháp nghiên cứu độc lập và mở rộng đối tượng khảo sát đến mọi phạm vi giao tiếp.

Phong cách học lấy đối tượng là các phong cách ngôn ngữ tồn tại trong hệ thống ngôn ngữ của cộng đồng. Theo cách phân loại của các nhà phong cách học

Xô viết trước đây thì các phong cách ngôn ngữ bao gồm : phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, nghệ thuật, khoa học, báo chí, hành chính, chính luận.

c) Vấn đề là phải làm rõ hai khái niệm *nghị luận* và *chính luận*.

Nghị luận là thao tác (có người gọi là *phương pháp*) diễn giải, phân tích, bình luận một vấn đề, một hiện tượng nào đó. Bất cứ một vấn đề gì ta muốn trình bày, bàn luận, phân tích đều phải dùng thao tác tư duy nghị luận. Như vậy, mọi vấn đề thuộc lịch sử, văn chương, khoa học, chính trị, thời sự, xã hội,... đều có thể dùng nghị luận để luận giải, trình bày. Hiểu như vậy thì ta thấy *nghị luận văn chương*, *nghị luận triết học*, *chính trị* đều có chung một cơ sở, một số thao tác tư duy giống nhau, và *chính luận* có thể coi như là cách gọi tắt của *nghị luận chính trị* cũng không có gì sai cả.

Tuy vậy, với phong cách học, ta không thể tùy tiện gọi là *phong cách nghị luận* hay là *phong cách ngôn ngữ nghị luận*, vì gọi như vậy thì sẽ có vô số các phong cách nghị luận : phong cách nghị luận triết học, phong cách nghị luận văn chương, phong cách nghị luận sử học, tôn giáo, tâm lí, xã hội,... Phong cách học xếp các loại ngôn ngữ nghị luận nói trên thuộc ngôn ngữ khoa học và phong cách ngôn ngữ khoa học. Nhưng do những đặc điểm trong cách dùng các phương tiện ngôn ngữ, do sự sử dụng rộng rãi trong xã hội, ngôn ngữ chính luận có màu sắc phong cách xã hội khác, vừa giống ngôn ngữ báo chí (từ ngữ, câu văn), vừa là ngôn ngữ khoa học (khoa học chính trị). Không phải ngẫu nhiên, các nhà phong cách học xem ngôn ngữ chính luận là một đối tượng nghiên cứu và từ những đặc điểm sử dụng ngôn ngữ thuộc hai bình diện nghiên cứu khác nhau có thể khái quát thành những đặc trưng của một phong cách ngôn ngữ độc lập – phong cách chính luận.

Sử dụng hai khái niệm *nghị luận* và *chính luận* trong một cuốn SGK cũng không có gì mâu thuẫn nhau, nhưng không thể nhập làm một, không phân biệt. Bởi vì hai khái niệm đó có nội hàm khác nhau do những quan niệm khác nhau của tu từ học cổ điển và phong cách học hiện đại.

Nói tóm lại, từ *nghị luận* dùng để chỉ một loại thao tác (phương pháp) tư duy (diễn giải, bàn bạc, lập luận) ; một loại văn bản (văn nghị luận) ; một kiểu bài làm văn trong nhà trường. Còn *chính luận* là khái niệm chỉ một phong cách ngôn ngữ văn bản nhằm trình bày những quan điểm chính trị của một đảng phái, đoàn thể, những tuyên bố, tuyên ngôn của các nguyên thủ quốc gia, những bài xã luận nêu rõ lập trường, quan điểm chính trị,... *Ngôn ngữ chính luận* dùng để chỉ ngôn ngữ chủ yếu được sử dụng trong các văn bản chính luận, không giống với ngôn ngữ hành chính, nghệ thuật,... từ cách thức sử dụng đến hiệu quả tu từ.

(2) Phân biệt khái niệm “ngôn ngữ chính luận” với khái niệm “phong cách ngôn ngữ chính luận”

Như trên đã nói, *ngôn ngữ chính luận* là khái niệm để chỉ các phương tiện ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản chính luận có màu sắc và hiệu quả tu từ riêng. Khái quát những đặc điểm sử dụng ngôn ngữ trong các văn bản chính luận thành một số đặc trưng tiêu biểu, ta có *phong cách ngôn ngữ chính luận*.

Nói một cách khái quát, phong cách ngôn ngữ chính luận là phong cách ngôn ngữ có ba đặc trưng chủ yếu : tính bộc lộ công khai quan điểm chính trị, tính chặt chẽ của ngôn ngữ trong lập luận và tính thuyết phục truyền cảm của cách diễn đạt.

2. Trọng tâm bài học

a) Về kiến thức : làm rõ khái niệm *ngôn ngữ chính luận* và *phong cách ngôn ngữ chính luận* bằng phương pháp đọc – hiểu.

b) Về kĩ năng : rèn luyện cho HS phương pháp quy nạp để đi đến các khái niệm, thuật ngữ khoa học.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV kết hợp cách trình bày vừa diễn giảng vừa đàm thoại và hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi đã chuẩn bị trước.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

TIẾT 1

Văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận

(1) Tìm hiểu văn bản chính luận

GV hướng dẫn HS đọc ba văn bản trong SGK.

a) Đoạn trích *Tuyên ngôn Độc lập*

Những tuyên ngôn, tuyên bố của một đảng phái chính trị hoặc của một vị nguyên thủ quốc gia nhằm trình bày quan điểm chính trị của một đảng phái hay quốc gia, nhân dịp một sự kiện trọng đại, đều thuộc văn bản chính luận.

Phần mở đầu của *Tuyên ngôn Độc lập* cũng là *luận cứ* của lập luận trong văn bản. Tác giả sử dụng khá nhiều thuật ngữ chính trị : *nhân quyền, dân quyền,*

bình đẳng, tự do,... Đáng chú ý là tác giả mạnh dạn sử dụng các thuật ngữ *quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do,...*

Câu văn rất mạch lạc, với các kết cấu cụm từ : *trong những quyền ấy ; suy rộng ra ; có ý nghĩa là,...* Câu kết chuyển ý mạnh mẽ, dứt khoát khẳng định : *Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.*

b) Đoạn trích *Cao trào chống Nhật, cứu nước*

Cao trào chống Nhật, cứu nước là một đoạn trích mở đầu trong tác phẩm chính luận *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, tập I của đồng chí Trường Chinh, Nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tác phẩm quan trọng này tổng kết một giai đoạn cách mạng thắng lợi đã làm nên những sự kiện lịch sử lớn và trình bày sách lược của những người cộng sản Việt Nam. Tác phẩm trình bày những ưu điểm và nhược điểm của Cách mạng tháng Tám, tính chất và ý nghĩa lịch sử của cách mạng ; triển vọng, tình hình cũng như nhiệm vụ cần kíp của nhân dân Việt Nam.

Đoạn trích trong SGK của tác giả Trường Chinh chỉ rõ kẻ thù lúc này là phát xít Nhật và khẳng định dứt khoát : bọn Pháp thực dân không còn là đồng minh chống Nhật của chúng ta nữa.

c) Đoạn trích *Việt Nam đi tới*

Bài này phân tích những thành tựu mới về các lĩnh vực của đất nước, vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Từ đó tác giả nêu những triển vọng tốt đẹp của cách mạng trong thời gian sắp tới. Đáng chú ý là giọng văn hào hứng sôi nổi, câu văn giàu hình ảnh gợi mở một tương lai sáng sủa của dân tộc, nhân dịp đầu năm mới.

(2) Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận

Cả ba văn bản trên đều là những văn bản tiêu biểu cho phong cách ngôn ngữ chính luận. Có thể đưa ra một số nhận xét bước đầu về ngôn ngữ chính luận. GV cần hướng dẫn cho HS hiểu hai khái niệm *nghị luận* và *chính luận* :

– *Nghị luận* là một thao tác tư duy trong hệ thống các thao tác miêu tả, tự sự và nghị luận mà bất cứ ai cũng có thể dùng để nhận thức và diễn đạt bằng lời nói. Vì thế, trong nhà trường có các kiểu bài tập làm văn : văn miêu tả, văn tự sự (kể chuyện), thuyết minh và *văn nghị luận*. Văn nghị luận lại có thể chia thành nhiều loại : nghị luận văn chương, nghị luận xã hội, nghị luận chính trị,... như ta thường gọi.

– *Chính luận* (về nội dung là *nghị luận chính trị*) bao gồm các thể loại văn bản như đã nói trong SGK, là *một phong cách ngôn ngữ độc lập* với các phong cách khác. Trong hoàn cảnh nước ta trải qua gần một thế kỉ đấu tranh, người dân sống

trong không khí đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, do vậy chính luận rất phát triển, nhiều từ ngữ chính trị ăn sâu vào ý thức và ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày của người dân. Mặt khác, chính luận có ảnh hưởng lớn đến văn học, nghệ thuật và tiếng Việt. Vì vậy, GV cần coi trọng ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ chính luận.

TIẾT 2

Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận

(1) Các phương tiện diễn đạt

GV hướng dẫn HS tìm hiểu các phương tiện diễn đạt của ngôn ngữ chính luận về từ ngữ, về ngữ pháp và về biện pháp tu từ.

a) Trong trích đoạn *Cao trào chống Nhật, cứu nước* (văn bản ở tiết 1), tác giả dùng nhiều từ ngữ để gọi tên “lực lượng Pháp ở Đông Dương” : *thực dân Pháp, một vài đội quân của Pháp, quân Pháp ở Đông Dương...* Mỗi cách gọi đều biểu lộ một thái độ chính trị, hãy phân tích thái độ, quan điểm đó.

(Gợi ý :

– *thực dân Pháp* : kẻ thù trước khi Nhật đảo chính.

– *một vài đội quân của Pháp... họ...* : khi người Pháp tỏ ý hợp tác với Việt minh để chống Nhật.

– *quân Pháp ở Đông Dương* : chỉ quân đội nói chung, không phân biệt một số lực lượng có thiện chí.)

b) Câu văn trong bài bình luận thời sự được xếp đặt như thế nào ?

(Gợi ý :

– Tính chặt chẽ trong trật tự câu : 1. thời gian ; 2. địa điểm ; 3. sự kiện.

– Tính chặt chẽ trong đoạn văn : theo thứ tự thời gian khi liệt kê sự kiện ; theo trật tự quy nạp ; theo thứ tự lôgic.)

c) Tìm các biện pháp tu từ trong đoạn trích *Việt Nam đi tới*.

(Gợi ý :

– Ẩn dụ : *non sông Việt Nam đang bùng dậy một sinh khí mới*.

– Liệt kê kết hợp với điệp ngữ : *trong từng... trong từng...*

– Kết hợp câu ngắn và câu dài,...)

Để tạo giọng văn hùng hồn, mạnh mẽ, người viết chính luận dùng lối điệp từ, điệp ngữ, song đôi và phối hợp : câu dài dùng khi miêu tả liệt kê và câu ngắn dùng khi khẳng định dứt khoát.

(2) Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận

GV gợi dẫn để HS khái quát hoá ba đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận. Cần chú ý sử dụng những ngữ liệu đã dẫn về ngôn ngữ chính luận (*Cao trào chống Nhật, cứu nước ; Tuyên ngôn Độc lập,...*).

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

a) Qua phần *Luyện tập*, GV kiểm tra việc HS nắm vững các thuật ngữ *ng nghị luận* và *chính luận*.

b) Qua các văn bản chính luận, cần kiểm tra kiến thức của HS để giúp HS phân biệt được ngôn ngữ báo chí (đã học ở học kì I) với ngôn ngữ chính luận.

c) GV chú ý kiểm tra HS về mức độ và khả năng hiểu các nhân tố chính luận, trong đó trước hết cần phải kể đến quan điểm chính trị được trình bày bằng các lập luận và phán đoán, việc sử dụng từ ngữ chính trị và từ ngữ thông thường, kết hợp các biện pháp tu từ để thuyết phục, hấp dẫn người đọc.

d) Sau khi học xong lí thuyết, cách kiểm tra tốt nhất là cho HS viết một bài văn về một vấn đề mà HS có thể bày tỏ quan điểm chính trị của mình. Ví dụ, những vấn đề tư tưởng của thanh niên hiện nay : vấn đề lí tưởng của thanh niên ; quan niệm về tình yêu Tổ quốc, về những cống hiến của tuổi trẻ,...

2. Gợi ý giải bài tập

TIẾT 1

Bài tập 1

Phân biệt khái niệm *ng nghị luận* và *chính luận* :

– *Ng nghị luận* là thao tác tư duy, là phương tiện biểu đạt, một kiểu bài làm văn trong nhà trường. Còn *phong cách ngôn ngữ chính luận* là một phong cách chức năng ngôn ngữ. Phong cách chính luận được hình thành như một phong cách độc lập với các phong cách ngôn ngữ khác là do cách thức sử dụng ngôn ngữ đã hình thành những đặc trưng tiêu biểu. Nó có cơ sở xã hội là công cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân ta trong hơn nửa thế kỉ trước.

– Thao tác (phương pháp) nghị luận được sử dụng ở tất cả mọi lĩnh vực khi trình bày, diễn đạt, kể cả lĩnh vực văn chương (nghị luận văn học), còn *chính luận* chỉ thu hẹp trong phạm vi trình bày quan điểm về vấn đề chính trị.

Bài tập 2

Chú ý các mặt biểu hiện của phong cách chính luận trong đoạn văn :

- Dùng nhiều từ ngữ chính trị.
- Câu văn mạch lạc, chặt chẽ, tuy có thể dùng câu dài (câu thứ ba ở ví dụ trong SGK).
- Đoạn văn thể hiện rõ quan điểm chính trị về lòng yêu nước, đánh giá cao lòng yêu nước của nhân dân ta.
- Đoạn văn có sức hấp dẫn và truyền cảm : nhờ lập luận chặt chẽ, nhờ những hình ảnh so sánh cụ thể, sát hợp.

Bài tập 3

HS cần đọc văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và phân tích việc dùng từ ngữ, cách kết cấu câu giản dị, dễ hiểu của tác giả. Lần lượt phân tích theo ba phần của bài :

- Tình thế buộc chúng ta phải chiến đấu.
- Chúng ta chiến đấu bằng mọi thứ có trong tay.
- Niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến.

TIẾT 2

Bài tập 1

Các phép tu từ :

- Điệp ngữ kết hợp điệp cú : *Ai có... dùng...*
- Liệt kê : *súng, guom, cuốc, thuổng, gậy gộc.*
- Ngắt đoạn câu (phối hợp với các phép tu từ trên) để tạo giọng văn dứt khoát, mạnh mẽ.

Bài tập 2

Có thể nêu một số ý sau để chứng minh câu nói của Hồ Chủ tịch :

- a) Luận cứ : Ở thời điểm nào thì thanh niên (trong đó có học sinh là lực lượng quan trọng) cũng gánh vác nhiệm vụ quan trọng của đất nước, thanh niên là rường cột của nước nhà, là người chủ tương lai của đất nước.
- b) Các luận chứng :
 - Thế hệ thanh niên trong Cách mạng tháng Tám.

- Thế hệ thanh niên trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.
- Thế hệ thanh niên ngày nay trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hội nhập với thế giới.

c) Kết luận : Thanh niên (trong đó phần lớn là học sinh) phải học tập để xây dựng đất nước sánh vai với các nước văn minh, tiến bộ.

Bài tập 3

Có thể nêu một số ý :

a) Lòng yêu nước có thể được giáo dục từ truyền thống, nhưng một phần khác bắt nguồn từ những tình cảm thiết thực, “nhỏ bé” của mỗi người.

- Yêu người thân : cha mẹ, ông bà, anh chị em,...

- Yêu làng quê, phố nhỏ và những kỉ niệm thời thơ ấu.

b) Từ tình cảm cụ thể và “nhỏ bé” nhưng sâu sắc, thiết tha, lòng yêu nước trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng và có ý thức thường trực trong mỗi người.

c) Yêu nước là phải bảo vệ và xây dựng đất nước.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hữu Đạt, *Phong cách học và phong cách chức năng tiếng Việt*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000.

2. Đinh Trọng Lạc – Nguyễn Thái Hoà, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

3. Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.